

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết phải lập đề án xây dựng làng nông thôn mới:

Xây dựng nông thôn trong từng giai đoạn và từng thời kỳ là một vấn đề luôn được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Sau hơn 20 năm "Đổi mới" nông thôn ở nước ta đã liên tục phát triển góp phần quan trọng ổn định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân. Nông nghiệp là ngành đem lại việc làm và thu nhập cho đa số người dân nông thôn, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực tạo cơ sở ổn định xã hội. Nông thôn là môi trường sống của đa số nhân dân, nơi bảo vệ môi trường sinh thái và bảo tồn các truyền thống văn hoá dân tộc.

Qua hơn 3 năm tiến hành xây dựng nông thôn mới làng Grai Mek cùng với UBND xã Chư Pông, đến nay làng Grai Mek đã đạt được những kết quả quan trọng: Thành lập ban phát triển làng, chỉ đạo thực hiện Chương trình làng Nông thôn mới. Tính đến hết tháng 01/07/2022, làng Grai Mek đã hoàn thành 12/19 tiêu chí: Quy hoạch, thủy lợi, Điện, Cơ sở hạ tầng thương mại, Thông tin truyền thông, Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình, Lao động có việc làm, Tổ chức sản xuất, Giáo dục và đào tạo, văn hóa, Hệ thống chính trị, bình đẳng giới. Quốc phòng và an ninh; còn 7/19 tiêu chí chưa đạt được đó là: Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, Hộ nghèo, Thu nhập, Y tế, Môi trường và an toàn thực phẩm.

Tuy vậy hiện nay đang xuất hiện nhiều thách thức mới trong nông nghiệp, nông dân và nông thôn ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Để đánh giá những kết quả thực hiện, những tồn tại, khó khăn vướng mắc trong thực hiện Chương trình, đồng thời xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình có hiệu quả hơn.

Vì vậy, việc xây dựng đề án xây dựng làng Grai Mek đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 là hết quan trọng hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ IV.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án:

- Luật tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 09/6/2015;
- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Văn bản số 2003/TTg-KTN, ngày 05/11/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc huy động vốn đóng góp của dân để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;
- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Tỉnh ủy Gia Lai tại Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai đến năm 2020;

- Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Quy định các định mức vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND, ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Quy định các định mức hỗ trợ cho các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, làng đạt chuẩn NTM, Quy trình xét công nhận, công bố thôn, làng đạt chuẩn Nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐH, ngày 14/1/2020 của Đảng Bộ xã Chư Pong lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025.

Phần I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ NHÂN LỰC

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Vị trí địa lý:

Làng Grai Mek là nằm cách trung tâm huyện 12 km về phía Bắc. Ranh giới hành chính được xác định như sau: Phía Tây giáp làng Ia Bâu; Phía đông giáp làng Kênh Siêu, Hồ Lâm, phía Đông Nam giáp Thôn Đoàn Kết; Phía Nam giáp xã giáp làng Pan xã Dun và thị trấn Chư Sê.

2. Diện tích tự nhiên:

- Diện tích tự nhiên 908,55 ha.

3. Tài nguyên:

Đất đai: Diện tích tự nhiên là: 908,55 ha trong đó :

- Đất nông nghiệp là 850.55 ha, chiếm 93.62 % tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp là 58 ha, chiếm 6.48% tổng diện tích đất tự nhiên.

4. Nhân lực:

Số hộ: 300 hộ; tổng có 22 hộ là hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 7.33% mật độ dân số 115 Người/ km². Dân số phân bố không đồng đều, đa số sinh sống theo trục lộ giao thông. Tuy nhiên, vị trí làng có điều kiện thuận lợi về đất đai màu mỡ, có nguồn lao động dồi dào, có tính cần cù chịu khó, siêng năng thuận lợi cho việc phát triển kinh tế.

5. Số lao động trong độ tuổi:

- Làng Grai Mek có lực lượng lao động khá dồi dào với 900/1215 người, chủ yếu là lao động trẻ, chiếm 70.13 % trên tổng dân số toàn xã. Trong đó tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt 820/900 chiếm 91.11% làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, công viên chức Nhà nước.

- Hiện tại 26.47% (225/850) lao động được qua đào tạo. Do đó để phát huy tổng thể mọi nguồn lực trong quy hoạch - phát triển kinh tế xã hội của xã, cần đặc biệt coi trọng việc đào tạo, nâng cao trình độ nhận thức, chuyên môn, tay nghề cho lực lượng này.

6. Đánh giá thuận lợi, khó khăn về tình hình nhân lực của Làng.

- Thuận lợi:

Làng Grai Mek có thổ nhưỡng thích hợp cho việc phát triển cây công nghiệp dài ngày như: Cao su, cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả, các cây ngắn ngày như lạc, đậu đỗ các loại, rau màu và lúa nước.

Có nguồn tài nguyên nước phong phú, có hệ thống kênh mương thủy lợi dọc theo các cánh đồng cung cấp nước tưới cho cây cà phê, hồ tiêu; lúa ...

- Khó khăn:

Dân cư phân bố không đồng đều chủ yếu tập trung trên mặt đường trục thôn, Người dân trên 85.71 % là người đồng bào thiểu số, trình độ dân trí còn hạn chế, phần lớn là lao động phổ thông nên hiệu quả lao động, năng suất thấp còn ỷ lại nhiều vào các cơ chế chính sách của nhà nước.

Việc đổi mới, xây dựng hình thức sản xuất phù hợp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn bất cập nên đời sống người dân khó khăn dẫn đến công tác tuyên truyền, vận động xã hội hóa chưa cao.

Phần lớn trình độ dân trí thấp từ đó dẫn đến việc phát triển sản xuất đồng thời tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất và khả năng nắm bắt các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn thấp.

Hiện nay do thời tiết thất thường về mùa mưa ngắn, sử dụng chủ yếu là nguồn nước tự nhiên không trữ đủ nguồn nước, gây hạn cục bộ trên một số cánh đồng trong những năm gần đây, vì vậy hiệu quả kinh tế chưa cao.

Phần II

THỰC TRẠNG 19 TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

A. Đánh giá thực trạng nông thôn theo Bộ Tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới đến 01/07/2022.

1. Quy hoạch: Tiêu chí số 1- Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Thôn, làng xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; vị trí địa lý, ranh giới của thôn, làng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt.

- Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, làng cần phải được quy hoạch, có quỹ đất và được cắm mốc.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Làng Grai Mek được nằm trong quy hoạch Nông thôn Mới của xã. Vị trí địa lý, ranh giới của làng Nông thôn Mới phù hợp với quy hoạch Nông thôn mới được duyệt . theo quyết định số: 642 QĐ-UBND ngày 31 / 12 /2021 về việc phê duyệt sơ đồ bố trí dân cư và cơ sở hạ tầng làng Grai Mek, xã Chư Pông, Huyện Chư Sê.

- Các công trình văn hóa, phúc lợi làng đã có quy hoạch đất trong bản đồ quy hoạch tổng thể của xã được cắm mốc, một số công trình phúc lợi.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội: gồm 8 tiêu chí (Tiêu chí số 2 đến tiêu chí số 9)

2.1. Tiêu chí số 2: Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Đường từ trung tâm xã đến thôn, làng nông thôn mới được nhựa hóa, bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

- Đường trục thôn, làng; đường liên thôn, làng được bê tông hóa, nhựa hóa đạt $\geq 70\%$.

- Đường nội thôn, làng phải sạch sẽ, không lầy lội vào mùa mưa, được cứng hóa và kết nối với đường trục xã $\geq 50\%$.

- Đường ra khu sản xuất đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa $\geq 70\%$

b) Kết quả thực hiện

- Đường từ trung tâm xã đến thôn, làng nông thôn mới được nhựa hóa, bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm 2.5/2.5 đạt 100%.

- Đường trục làng; đường liên thôn, làng được bê tông hóa, nhựa hóa: 1.5/2 km đạt 75%.

- Đường nội thôn, làng phải sạch sẽ, không lầy lội vào mùa mưa, được cứng hóa và kết nối với đường trục xã: Đã cứng hóa 1.5/4.2 km, đạt 35.71 %.

- Đường ra khu sản xuất đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa: Khối lượng thực hiện: Đã cứng hóa 3.7/5.2 km, đạt 71.15%.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Chưa đạt so với tiêu chí.

2.2. Tiêu chí số 3: Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí

Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: Các hộ dân trong thôn, làng đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn

b) Kết quả thực hiện

Các hộ dân trong làng đảm bảo đủ nước phục vụ kinh tế vườn. diện tích đất nông nghiệp trên toàn thôn khoảng 800/892.87 ha đạt 89.6%.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2.3. Tiêu chí số 4 - Điện.

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện $\geq 98\%$

b) Kết quả thực hiện

- Trên đường trục chính của làng hiện nay chưa có đèn chiếu sáng ban đêm.
- 02 trạm biến áp , 2.4 km đường dây hạ thế đáp ứng các yêu cầu về an toàn, độ tin cậy, tạo môi trường thuận lợi, có hiệu quả cho người sử dụng điện; tình hình quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống điện luôn được đảm bảo.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: 300/300 hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2.4. Tiêu chí số 5: Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, làng có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào, cổng.

b) Kết quả thực hiện

- Có 02 điểm trường mầm non cơ sở vật chất và trang thiết bị còn sơ sài chưa đáp ứng đủ được chương trình dạy và học, tường rào và cổng, sân chơi còn tạm bợ chưa được cứng hóa.

- Có 01 điểm trường cấp 1 cấp Tiểu học đã trang bị đầy đủ trang thiết bị đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu dạy và học.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Chưa đạt so với tiêu chí.

2.5. Tiêu chí số 6 : Cơ sở vật chất văn hoá

a) Yêu cầu của tiêu chí

Thôn, làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, làng phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, tường rào, cổng,...; có Ban Chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định

b) Kết quả thực hiện

Nhà văn hóa có thể là nhà sinh hoạt cộng đồng:

Chưa được cấp quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích 300 m², xây dựng khoảng 50 m², chưa bố trí sân khấu, chưa có tường rào và vườn hoa, sân bãi chưa được cứng hóa.

Trang thiết bị (bàn ghế, loa đài...) còn sơ sài, trường làng chưa qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ. Kinh phí hoạt động còn rất hạn chế.

Ban chủ nhiệm được thành lập năm 2017, hoạt động văn hóa văn nghệ thường xuyên, có 70% tổng số dân làng tham gia; có hoạt động văn hóa, vui chơi.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Chưa đạt so với tiêu chí.

2.6. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Trong làng có ít nhất 01 điểm trao đổi mua bán.

b) Kết quả thực hiện

Hiện nay trong làng đã có 07 điểm trao đổi mua bán các loại hàng hóa, yếu phẩm dùng trong làng.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2.7. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy nhập internet
- Có hệ thống loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày.

b) Kết quả thực hiện

- Trong làng được phủ sóng điện thoại và truy cập Internet, gồm 03 cụm loa phát thanh tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

2.8. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Trong thôn, làng không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, làng phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10 m²/người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh,... được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện.

- Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân.

- Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh - sạch - đẹp.

- Khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống, kiến trúc nhà ở đặc thù của từng địa phương.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng $\geq 75\%$.

b) Kết quả thực hiện

Nhà tạm, dột nát: Trong làng không có nhà tạm, dột nát. Trong vườn luôn trồng các loại cây, sạch cỏ. có một vài cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao như tiêu, cà phê. Sản phẩm rau củ quả thu hoạch từ vườn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ ngăn nắp quanh nhà; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở sáng - xanh - sạch - đẹp.

Khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống, kiến trúc nhà ở đặc thù của từng địa phương

Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng: 230/300 nhà đạt 76.67%.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

3. Kinh tế và tổ chức sản xuất

3.1. Tiêu chí số 10: Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm):
44 triệu đồng/ người/ năm.

b) Kết quả thực hiện

Thu nhập bình quân đầu người của làng 35 triệu đồng/ người/ năm.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Chưa đạt so với tiêu chí.

3.2. Tiêu chí số 11: Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 còn từ 7% trở xuống.

b) Kết quả thực hiện

Hiện nay trên địa bàn có 22 /300 hộ, chiếm tỷ lệ 7.33%.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

3.3. Tiêu chí số 12 : Lao động có việc làm.

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.

b) Kết quả thực hiện

Tổng số lao động trong độ tuổi trên địa bàn làng là 900/1215 người, số lao động có việc làm thường xuyên là 820/900 người, đạt tỷ lệ 91.11%.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

3.4. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có Tổ hợp tác được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả.

- Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng.

b) Kết quả thực hiện

Hiện nay, 01 HTX Hoài trương đang hoạt động sản xuất trên địa bàn. Hàng năm, UBND xã xây dựng lồng ghép một số chương trình: cấp không thu tiền, chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất ..., có 01 mô hình liên kết trồng dâu nuôi tằm mang lại hiệu quả kinh tế.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

4. Về Giáo dục - Y tế - văn hóa - môi trường - Hệ thống tổ chức chính trị - An ninh trật tự.

4.1. Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo.

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở:

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi:

Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp $\geq 90\%$

Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non $\geq 80\%$

+ Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2:

Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt $\geq 90\%$.

Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học $\geq 70\%$.

+ Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở $\geq 80\%$.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, làng được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề: $\geq 70\%$

- Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo nghề: $\geq 25\%$

b) Kết quả thực hiện

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở:

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi:

Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp: 36/36 học sinh đạt 100%;

Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 36/36 học sinh đạt 100%;

- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2:

+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: đạt 36/36 học sinh đạt 100%;

+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 91/91 học sinh đạt 100%;

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, làng được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề: 50/61 đạt đạt từ 81,96 %;

- Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo: 225/850 đạt từ 26.47%.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

4.2. Tiêu chí số 15: Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình bảo hiểm y tế: $\geq 85\%$.

- Làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng đạt 97% trở lên;

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, làng bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt từ 31.4% trở xuống.

b) Kết quả thực hiện

- Làng có nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn.

- Có 574 người tham gia bảo hiểm y tế /1215 người, đạt tỷ lệ 51.1%

- Có trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi 25/90 trẻ em, chiếm tỷ lệ 27.78%.

Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng: 20/20 đạt 100%;

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Chưa đạt so với tiêu chí.

4.3. Tiêu chí số 16: Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Làng phải đạt chuẩn văn hóa theo quy định.

b) Kết quả thực hiện

Làng đạt chuẩn văn hóa 03 năm liền.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

4.4. Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định về bảo vệ môi trường đạt từ 95% trở lên (nước sạch đạt từ 50% trở lên);

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, làng đều chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường: 100%

- Các tuyến đường trong thôn, làng; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp: Đạt

- Về nghĩa địa, khu vực chôn cất của thôn, làng: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa địa đến khu dân cư trong thôn, làng tối thiểu là 100 m; trường hợp nghĩa địa của thôn, làng đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100 m cần phải được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa địa có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường: Đạt

- Thôn, làng có tổ thu gom rác thải hoặc 100% hộ gia đình có hố thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình. Không còn tình trạng rác thải vứt bừa bãi ra ngoài môi trường; bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng theo quy định: Đạt

- Tỷ lệ hộ trong thôn, làng có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh: $\geq 70\%$

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sàn: $\geq 60\%$

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%

- Thôn, làng có ít nhất 70% hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”: Đạt.

b) Kết quả thực hiện

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định về bảo vệ môi trường đạt từ 95% trở lên (nước sạch đạt từ 50% trở lên): có 280 hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh/300 hộ, đạt tỷ lệ 95 % và 160 hộ sử dụng nước sạch/300 hộ, đạt tỷ lệ: 53.33%.

- Có 7 cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường/7 cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tỷ lệ 100%.

- Trên địa bàn không có các hoạt động gây ô nhiễm môi trường và các hoạt động phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp như: nhân dân thường xuyên dọn dẹp vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang bụi rậm, trồng cây xung quanh nhà ở, khu dân cư, để tạo cảnh quan và điều hòa môi trường sinh thái. Công tác giữ gìn vệ sinh, môi trường trong và ngoài ngõ xóm trên địa bàn xã luôn được đảm bảo, nhân dân tích cực hưởng ứng.

- Về nghĩa địa khu vực chôn cất của làng: trên làng có 02 nghĩa địa phù hợp với phong tục tập quán của địa phương. Chưa có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh

và mương thoát nước. Được tuyên truyền Khuyến khích việc chôn cất tập trung tại nghĩa trang UBND xã. chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa chưa được thu gom, vận chuyển xử lý để đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch 240/300 đạt 80%;

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường 130/175 đạt 74.29%;

- có 7/7 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”: 75/147 người đạt 51.02%;

- Đối với các nhà mồ ở các làng người đồng bào UBND xã tuyên truyền vận động cải táng đưa vào các nghĩa trang của làng. Trên địa bàn xã không còn phong tục người chết chôn chung một chỗ.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Chưa đạt so với tiêu chí.

4.5. Tiêu chí số 18: Hệ thống tổ chức chính trị xã hội và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có đủ các tổ chức trong thôn, làng theo quy định (gồm Chi bộ, Ban công tác Mặt trận, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Nông dân, Chi hội Liên hiệp Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên). Kết quả phân loại Chi bộ thôn, làng hằng năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong thôn, làng hằng năm được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên: Đạt

Có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận: Đạt

Có quy ước, hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện: Đạt

Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hằng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và được UBND cấp xã xác nhận, (bản kế hoạch giai đoạn 2018-2020 và lộ trình từng năm phải đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, làng; các nguồn nội lực của thôn, làng; dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng): Đạt

Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn và tảo hôn. Trong thôn, làng không có bạo lực gia đình: Đạt.

Nhân dân thôn, làng được tiếp cận pháp luật: trên 80% người dân được tuyên truyền, phổ biến, tiếp cận nội dung trọng tâm của các văn bản, chính sách pháp luật mới có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân; được thông tin, định hướng các vấn đề được xã hội quan tâm; được tiếp nhận, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài liệu chuyên đề phổ biến giáo dục pháp luật do các cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã cấp phát; thường xuyên lồng ghép chuyên đề pháp luật trong các buổi họp thôn, làng; tổ hòa giải ở cơ sở của thôn, làng được thành lập, thường xuyên kiện toàn và hoạt động có hiệu quả; 100% các vụ việc hòa giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết với trên 80% vụ việc được hòa giải thành: Đạt.

b) Kết quả thực hiện

Hệ thống chính trị: có đủ tổ chức trong làng gồm chi bộ, ban công tác mặt trận, chi hội cựu chiến binh, chi hội nông dân, chi hội liên hiệp phụ nữ, chi đoàn thanh niên; Chi bộ làng Grai Mek hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận;

Có quy ước, hương ước làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện;

Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức.

Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn và tảo hôn. Trong làng không có bạo lực gia đình;

Nhân dân thôn, làng được tiếp cận pháp luật: trên 80% người dân được tuyên truyền, phổ biến, tiếp cận nội dung trọng tâm của các văn bản, chính sách pháp luật mới có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân; được thông tin, định hướng các vấn đề được xã hội quan tâm; được tiếp nhận, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài liệu chuyên đề phổ biến giáo dục pháp luật do các cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã cấp phát; thường xuyên lồng ghép chuyên đề pháp luật trong các buổi họp thôn, làng; tổ hòa giải ở cơ sở của thôn, làng được thành lập, thường xuyên kiện toàn và hoạt động có hiệu quả; 100% các vụ việc hòa giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết với trên 80% vụ việc được hòa giải thành

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

4.6. Tiêu chí số 19: Quốc phòng, An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

Quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng

An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn làng bình yên: không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế giảm so với năm trước; Công an viên, lực lượng an ninh thôn, làng được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; Các mô hình, tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo ANTT tại thôn, làng hoạt động thường xuyên, có hiệu quả..

b) Kết quả thực hiện

- Lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng, trung đội trưởng dân quân cơ động đều là đảng viên.

- Làng đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động hoặc các tổ chức khác hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước:

+ Hằng năm, chi bộ có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

+ Trong làng không xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, khiếu kiện, khiếu nại đông người, kéo dài, khiếu kiện vượt cấp;

+ Tổ chức thực hiện các hoạt động phòng ngừa các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các vi phạm khác: Trong năm qua trên địa bàn xã không xảy ra trọng án trên địa bàn và không có công dân của xã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; Các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội (ma tuý, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện,...) và các hành vi vi phạm pháp luật khác luôn được kiểm chế, năm sau thấp hơn năm trước; Không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của xã gây ra trên địa bàn.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí: Đạt so với tiêu chí.

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Đánh giá khái quát những nội dung đã đạt được, chưa đạt được so với Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới của từng tiêu chí.

- Những năm qua làng đã tích cực thực hiện nhiều chương trình về phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trên cơ sở của nền nông nghiệp bền vững, thực hiện đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện cụ thể của xã; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm để phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân. Các công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng, 100 % hộ gia đình đã có điện thắp sáng, đường giao thông đi lại thuận tiện, đường liên thôn, nội thôn được cứng hoá; điểm trường được xây dựng khang trang sạch đẹp. Đến nay, đồng bào trong làng đã phát triển mạnh cây cà phê, hồ tiêu; biết sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu theo nguyên tắc 04 đúng. Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 7.33 %, nhiều hộ đã trang bị được phương tiện sản xuất, mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình có giá trị.

- Triển khai có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; tuyên truyền nhân dân thực hiện tốt công tác định canh định cư, xây dựng lại nhà cửa và cải tạo lại vườn tạp, tự giác làm chuồng trại nhốt gia súc, gia cầm; vận động nhân dân sử dụng nước sạch, ăn chín uống sôi, xóa bỏ các tập tục lạc hậu, ốm đau đến trạm y tế xã điều trị. Công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân được chú trọng, từng bước giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng và phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên. Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình. Thực hiện tốt công tác TBXH.

- Bên cạnh đó còn những tồn tại, hạn chế như trình độ dân trí của một số người dân còn thấp, sự phát triển kinh tế không đồng đều giữa đồng bào kinh và đồng bào DTTS, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, việc chuyển đổi cây trồng vật nuôi chưa vững chắc. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc chưa đều khắp, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội còn nhiều hạn chế.

2. Những nội dung chưa đạt được

- Các công trình văn hóa, phúc lợi chưa được cắm mốc, một số công trình chưa được cấp quyền sử dụng đất.

- Đường nội đồng làng cứng hóa chưa đạt .

- Nhà văn hóa chưa có hàng rào, sân đất, chưa có sân khấu, trang thiết bị còn rất sơ sài, trường làng chưa qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ;

- Điểm trường tuy đã có nhưng cơ sở vật chất, công trình phụ trợ còn sơ sài.

- Bảo hiểm Y tế chưa đạt theo tiêu chí.

- Tình hình thời tiết thất thường về mùa mưa kéo dài, lượng mưa lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho dịch bệnh phát triển gây thiệt hại cho cây trồng. mùa khô lượng nước giảm mạnh, hạn hán kéo dài, không cung cấp đủ nước để đảm bảo sản xuất. Tình hình ANCT-TTATXH diễn biến phức tạp xuất hiện nhiều loại tội phạm: trộm cắp, ma túy, tai nạn giao thông... , Thu nhập chưa đạt theo bộ tiêu chí;

Tuy diện tích đất canh tác lớn nhưng nhỏ lẻ, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ. Do vậy chưa đáp ứng được với tiềm năng phát triển sản xuất các ngành kinh tế quy mô lớn.

Lực lượng lao động tuy trẻ, dồi dào nhưng phần lớn chưa được đào tạo chuyên môn, trình độ dân trí còn thấp, chưa đủ năng lực cho việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào trong sản xuất.

3. Đánh giá hiện trạng 19 tiêu chí nông thôn mới đến ngày 01/07/2022.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Thực trạng	Kế hoạch 2022-2025
I. QUY HOẠCH:					
1	Quy hoạch	1.1. Thôn, làng xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; vị trí địa lý, ranh giới của thôn, làng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, làng cần phải được quy hoạch, có quỹ đất và được cắm mốc	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI:					
2	Giao thôn g	2.1. Đường từ trung tâm xã đến thôn, làng nông thôn mới được nhựa hóa, bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100% (2.5/2.5km)	100% (2.5/2.5km)
		2.2. Đường trục thôn, làng; đường liên thôn, làng được bê tông hóa, nhựa hóa	≥70% cứng hóa	75% (1,5/2km)	100% (2/2km)
		2.3. Đường nội thôn, làng phải sạch sẽ, không lầy lội vào mùa mưa, được cứng hóa và kết nối với đường trục xã	≥50% cứng hóa	35.71% (1.5/4.2 km)	73.81% (3.1/4.2 km)
		2.4. Đường ra khu sản xuất đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa	≥70% cứng hóa	71.15% (3.7/5.2km)	100% (5.2/5.2km)
3	Thủy lợi	Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: Các hộ dân trong thôn, làng đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn	Đạt	Đạt	Đạt

4	Điện	Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện $\geq 98\%$	Đạt	100% (300/300 hộ)	100% (300/300 hộ)
5	Trường học	Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, làng có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào, cổng	Đạt	Chưa đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Thôn, làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, làng phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, tường rào, cổng,...; có Ban Chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định	Đạt	Nhà SHCD chưa được cấp QSD đất, Chưa đủ các CT phụ trợ, Ban chủ nhiệm	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thôn, làng phải có ít nhất 01 điểm mua bán trao đổi hàng hóa. UBND cấp huyện quy định cụ thể về điểm mua bán trao đổi hàng hóa theo quy định để thực hiện trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thôn g tin và truyền thông	8.1. Thôn, làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy nhập internet	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Có hệ thống loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình	9.1. Trong thôn, làng không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, làng phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10 m ² /người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh,...được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện.	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân	Đạt	Đạt	Đạt

	9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh - sạch - đẹp	Đạt	Đạt	Đạt
	9.4. Khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống, kiến trúc nhà ở đặc thù của từng địa phương	Đạt	Đạt	Đạt
	9.5. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng	≥ 75%	76.67% (230/300 nhà)	100% (300/300 nhà)

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT:

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2022-2025	Năm 2022: 44 triệu đồng	35	44
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	≤ 7%	7.33% (22/300 hộ)	6% (18/300 hộ)
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của thôn, làng	≥ 90%	91.11% (820/900)	100% (900/900)
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Có Tổ hợp tác được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2 Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Đạt	Đạt	Đạt

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG:

14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở:			
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi:			
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp	≥ 90%	100% (36/36 em)	100% (36/36 em)
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	≥ 80%	100%(36/36 em)	100%(36/36 em)
		- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2:			
		+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt	≥ 90%	100% (36/36 em)	100% (36/36 em)

		+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	$\geq 70\%$	100% (91/91 em)	100% (91/91 em)
		- Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở	$\geq 80\%$	81.96% (50/61 em)	100% (61/61 em)
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, làng được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề	$\geq 70\%$	81.96% (50/61 hs)	100% (61/61 hs)
		14.3. Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo nghề	$\geq 25\%$	25% (225/900)	33.33% (300/900)
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình bảo hiểm y tế	$\geq 85\%$	51.1% (547/1215)	100% (1215/1215)
		15.2. Thôn, làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	$\geq 97\%$	100% (20/20 cháu)	100%
		15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, làng bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 31,4\%$	27.8% (25/90 em)	22.2% (20/90 em)
16	Văn hóa	Thôn, làng phải đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch	$\geq 95\%$ nước HVS và	95% (280/300 hộ)	100% (300/300 hộ)
			$\geq 50\%$ nước sạch	53.33% (160/300 hộ)	61% (183/300 hộ)
		17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, làng đều chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường	100%	100% (7/7 hộ)	100% (7/7 hộ)
		17.3. Các tuyến đường trong thôn, làng; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt	Đạt	Đạt

	<p>17.4. Về nghĩa địa, khu vực chôn cất của thôn, làng: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa địa đến khu dân cư trong thôn, làng tối thiểu là 100 m; trường hợp nghĩa địa của thôn, làng đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100 m cần phải được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa địa có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường</p>	Đạt	Chưa đạt	Đạt
	<p>17.5. Thôn, làng có tổ thu gom rác thải hoặc 100% hộ gia đình có hố thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình. Không còn tình trạng rác thải vứt bừa bãi ra ngoài môi trường; bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng theo quy định</p>	Đạt	Đạt	Đạt
	<p>17.6. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh</p>	≥ 70%	80% (240/300 hộ)	83.33% (250/300 hộ)
	<p>17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sàn.</p>	≥ 60%	74.29% (130/175 hộ)	80% (140/175 hộ)
	<p>17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm</p>	100%	100% (7/7 hộ)	100%
	<p>17.9. Thôn, làng có ít nhất 70% hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”</p>	Đạt	51.02% (75/147 hộ)	70.07% (103/147 hộ)
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - QUỐC PHÒNG - AN NINH:				

18	Hệ thống chính trị, bình đẳng giới	18.1. Có đủ các tổ chức trong thôn, làng theo quy định (gồm Chi bộ, Ban công tác Mặt trận, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Nông dân, Chi hội Liên hiệp Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên). Kết quả phân loại Chi bộ thôn, làng hằng năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong thôn, làng hằng năm được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Có quy ước, hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hằng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và được UBND cấp xã xác nhận, (bản kế hoạch giai đoạn 2018-2020 và lộ trình từng năm phải đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, làng; các nguồn nội lực của thôn, làng; dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng)	Đạt	Đạt	Đạt
		18.5. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn và tảo hôn. Trong thôn, làng không có bạo lực gia đình	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Nhân dân thôn, làng được tiếp cận pháp luật: trên 80% người dân được tuyên truyền, phổ biến, tiếp cận nội dung trọng tâm của các văn bản, chính sách pháp luật mới có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân; được thông tin, định hướng các vấn đề được xã hội quan tâm; được tiếp nhận, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài liệu chuyên đề phổ biến giáo dục pháp luật do các cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã cấp phát; thường xuyên lồng ghép chuyên đề pháp luật trong các buổi họp thôn, làng; tổ hòa giải ở cơ sở của thôn, làng được thành lập, thường xuyên kiện toàn và hoạt động có hiệu quả; 100% các vụ việc hòa giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết với trên 80% vụ việc được hòa giải thành	Đạt	Đạt	Đạt

19	Quốc phòn g và an ninh	19.1. Quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn thôn, làng bình yên: không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế giám so với năm trước; Công an viên, lực lượng an ninh thôn, làng được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; Các mô hình, tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo ANTT tại thôn, làng hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt

Phần III

NỘI DUNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG LÀNG NÔNG THÔN MỚI

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Nông thôn mới làng Grai Mek để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường; thực hiện tốt Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững, đẩy nhanh tiến độ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tạo sự chuyển biến căn bản về phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, từng bước xóa bỏ tập quán lạc hậu, từng bước làm thay đổi nếp nghĩ cách làm của người dân, bảo vệ môi trường sinh thái, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, hệ thống chính trị vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Hoàn thành 19/19 tiêu chí nông thôn mới

2.2. Năm 2022: Tổng kinh phí 3.6888.35 triệu đồng.

+ Bê tông hóa đường trục làng quy cách: nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 500 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 400 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 100 triệu đồng);

+ Bê tông hóa đường nội làng quy cách: nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=300, công thoát nước dự toán Kinh Phí 270 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 216 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 54 triệu đồng);

+ Cải tạo nâng cấp điểm trường mẫu giáo (Hệ thống nước sinh hoạt, xây mới nhà vệ sinh, tường rào, sân bê tông, trang thiết bị dạy và học) dự toán kinh phí 75 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

+ Chi phí hoạt động văn hóa dự toán kinh phí 5 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

+ Đầu tư xây dựng mô hình phát triển sản xuất nâng cao thu nhập. dự toán kinh phí 150 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 105 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 45 triệu đồng).

+ Cho hộ nghèo vay vốn đề PTSX theo quy định dự toán kinh phí 660 triệu đồng (Vốn tín dụng).

+ Mở 1 lớp đào tạo nghề theo quy định) dự toán kinh phí 30 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

+ Cấp thẻ BHYT cho các ĐB DTTS dự toán kinh phí 1.096,64 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 468,656 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 657,984 triệu đồng).

+ Thẻ BHYT cho các hộ khác dự toán kinh phí 713,71 triệu đồng (nhân dân đóng góp: 713,71 triệu đồng)

+ Chi các hoạt động văn hóa, văn nghệ. dự toán kinh phí 3 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 2 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 1 triệu đồng)

+ Đầu tư làm mới công trình cấp nước tập trung. dự toán kinh phí 150 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 143 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 7 triệu đồng)

+ Đầu tư 05 bể xử lý rác thải sinh hoạt. dự toán kinh phí 35 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 35 triệu đồng)

- Năm 2023: Tổng kinh phí 3.138,35 triệu đồng.

+ Bê tông hóa đường nội làng quy cách: nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=300, công thoát nước dự toán Kinh Phí 270 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 216 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 54 triệu đồng);

+ Nhựa hóa đường nội đồng, quy cách: nền mặt đường; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 350 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 280 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 70 triệu đồng);

+ Xây mới rãnh thoát nước Quy cách: 400mm-600mm, L=2 km dự toán Kinh Phí 170 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 170 triệu đồng);

+ Cải tạo nâng cấp điểm trường mẫu giáo (Hệ thống nước sinh hoạt, Cải tạo nhà vệ sinh, tường rào, sân bê tông, trang thiết bị dạy và học) dự toán kinh phí 75 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

+ Công trình phụ trợ nhà văn hóa: hàng rào, sân bê tông, cải tạo nhà vệ sinh, trang thiết bị) dự toán kinh phí 100 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

+ Đầu tư xây dựng mô hình phát triển sản xuất nâng cao thu nhập. dự toán kinh phí 150 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 105 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 45 triệu đồng).

+ Mở 1 lớp đào tạo nghề theo quy định) dự toán kinh phí 30 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

+ Cấp thẻ BHYT cho các DB DTTS dự toán kinh phí 1.096,64 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 468,656 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 657,984 triệu đồng).

+ Thẻ BHYT cho các hộ khác dự toán kinh phí 713,71 triệu đồng (nhân dân đóng góp: 713.71 triệu đồng)

+ Cấp 4 bể thu gom rác thải dự toán kinh phí 20 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

+ Trồng cây xanh quanh khu vực nghĩa trang làng dự toán kinh phí 10 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 5, nhân dân đóng góp: 5 triệu đồng).

- Năm 2024: Tổng kinh phí 2.793,35 triệu đồng.

+ Bê tông hóa đường nội làng quy cách: nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 450 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 360 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 90 triệu đồng);

+ Nhựa hóa đường nội đồng, quy cách: nền mặt đường; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 350 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 280 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 70 triệu đồng);

+ Đầu tư xây dựng mô hình phát triển sản xuất nâng cao thu nhập. dự toán kinh phí 150 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 105 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 45 triệu đồng).

+ Mở 1 lớp đào tạo nghề theo quy định. dự toán kinh phí 30 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

+ Cấp thẻ BHYT cho các DB DTTS dự toán kinh phí 1.096,64 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 468,656 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 657,984 triệu đồng).

+ Thẻ BHYT cho các hộ khác dự toán kinh phí 713,71 triệu đồng (nhân dân đóng góp: 713.71 triệu đồng)

+ Chi giao lưu các hoạt động văn hóa, văn nghệ dự toán kinh phí 3 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 2 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 1 triệu đồng);

- Năm 2025: Tổng kinh phí 2.643,35 triệu đồng.

+ Bê tông hóa đường nội làng quy cách: nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 450 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 360 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 90 triệu đồng);

+ Nhựa hóa đường nội đồng, quy cách: nền mặt đường; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 350 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 280 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 70 triệu đồng);

+ Đầu tư xây dựng mô hình phát triển sản xuất nâng cao thu nhập. dự toán kinh phí 150 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 105 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 45 triệu đồng).

+ Mở 1 lớp đào tạo nghề theo quy định. dự toán kinh phí 30 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

+ Cấp thẻ BHYT cho các ĐB DTTS dự toán kinh phí 1.096,64 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 468,656 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 657,984 triệu đồng).

- Thẻ BHYT cho các hộ khác dự toán kinh phí 713,71 triệu đồng (nhân dân đóng góp: 713.71 triệu đồng)

+ Chi giao lưu các hoạt động văn hóa, văn nghệ dự toán kinh phí 3 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 2 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 1 triệu đồng);

2.3. Các chỉ tiêu chính:

- Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, làng cần phải được quy hoạch, có quỹ đất và được cắm mốc và công khai ra nhân dân biết.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn được cứng hóa, đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản. trục nối giữa các thôn, làng; giữa các hộ gia đình trong thôn, làng được cứng hóa không lầy lội vào mùa mưa.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến cuối năm 2022 là 44 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 7 %.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Nông nghiệp - Dịch vụ - Công nghiệp theo tỉ trọng: 96% - 2% - 2% .

- Đào tạo nghề cho lao động; 44.40 % nông dân được trang bị kiến thức quản lý và sản xuất nông nghiệp.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hàng hóa, chất lượng, đảm bảo an toàn hợp vệ sinh.

- Nâng cấp cơ sở vật chất các điểm trường, hoàn thiện các điều kiện cần và đủ về cơ sở vật chất trong các điểm trường học, tiến tới chuẩn hóa các phương tiện dạy và học.

- Tỷ lệ hộ dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của chi bộ, chi hội, chi đoàn thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên, làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Chi bộ làng đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các tổ chức đoàn thể chính trị trong làng hàng năm đạt danh hiệu cao nhất . An ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ

Đề án xây dựng nông thôn mới làng Grai Mek, xã Chư Pông đề ra các mục tiêu nhằm phấn đấu đạt, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới. Trong đó tập trung vào các nhóm vấn đề như: Quy hoạch; phát triển hạ tầng - kinh

tế - xã hội; Kinh tế và tổ chức sản xuất, Văn hóa xã hội, môi trường; hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Đề án tập trung đánh giá và đề xuất đổi mới một số cơ chế, chính sách để người dân tự ý thức trách nhiệm tham gia xây dựng nông thôn của mình gắn với việc trao quyền xây dựng nông thôn mới cho cộng đồng dân cư, phát huy dân chủ ở cơ sở, huy động tốt nguồn lực và đẩy nhanh hơn tiến độ xây dựng nông thôn mới; cơ chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách cho đầu tư hạ tầng nông thôn trên cơ sở Nhà nước và nhân dân cùng làm, cơ chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

1. Rà soát, điều chỉnh, lập quy hoạch xây dựng NTM

1.1 Mục tiêu:

- Việc rà soát quy hoạch cần tiến hành tập trung, đồng bộ trên cơ sở quy hoạch phát triển ngành của xã và quy hoạch chi tiết ở địa phương.

- Đánh giá việc thực hiện quy hoạch và đề xuất việc điều chỉnh quy hoạch, quy hoạch mới đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Công tác quy hoạch có tầm quan trọng chiến lược, vừa là cơ sở đầu tư xây dựng nông thôn mới đảm bảo định hướng chung của xã. Vì vậy, cần thực hiện nghiêm túc việc rà soát và đề xuất kịp thời yêu cầu để tổng hợp vào kế hoạch chung.

1.2 Nhiệm vụ:

- Tổ chức, rà soát, bổ sung phù hợp làng xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; vị trí địa lý, ranh giới của thôn, làng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt.

- Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, làng cần phải được quy hoạch, có quỹ đất và được cắm mốc.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Rà soát hiện trạng sử dụng đất của địa phương. Cấp quyền sử dụng đất các công trình phúc lợi.

- Căn cứ mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của từng tiêu chí cần thực hiện để quy hoạch sử dụng đất phục vụ cho từng chương trình, dự án, quy hoạch các công trình phúc lợi và cắm mốc.

1.3 Tổ chức thực hiện:

Phân công công chức Địa chính I làm thường trực để tập hợp ý kiến tham gia đóng góp của Ban nhân dân, nhân dân. làm việc với đơn vị tư vấn để hoàn thiện Quy hoạch, Đề án xây dựng nông thôn mới và cắm mốc nhằm đảm bảo tiến độ và hiệu quả.

Tham mưu cho UBND xã, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất, theo dõi việc thực hiện quy hoạch báo cáo UBND xã đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

- Tạo sự chuyển biến nhanh và bền vững về đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, bảo đảm đến giảm dần tỷ lệ hộ nghèo xuống thấp nhất, ngang bằng các xã trong huyện, khu vực Tây nguyên. Hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa, khai thác tốt các thế mạnh của địa phương.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế – xã hội đạt yêu cầu tiêu chí làng đạt chuẩn NTM phù hợp với đặc trưng của xã, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và các hình thức sản xuất có hiệu quả theo quy hoạch; phát huy bản sắc tốt đẹp của dân tộc; Trình độ dân trí được nâng lên; Quốc phòng an ninh đảm bảo ổn định.

Tiêu chí	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hoá	Chợ	Buru điện	Nhà ở dân cư
Năm hoàn thành	2023	Đạt	Đạt	2023	2023	Đạt	Đạt	Đạt

2.1 Tiêu chí 2: Về giao thông

2.1.1. Mục tiêu:

- Xây dựng hệ thống đường giao thông đáp ứng nhu cầu đi lại, giao lưu hàng hóa cho người dân trên địa bàn xã với địa phương lân cận. Là tiền đề hình thành vùng sản xuất hàng hóa; góp phần giảm khoảng cách chênh lệch về kinh tế cũng như trình độ dân trí giữa nông thôn và thành thị. Kiên cố hóa đường giao thông nông thôn, thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo diện mạo mới cho nông thôn. Kinh tế phát triển và tạo ra giá trị hàng hóa lớn, từng bước nâng cao đời sống kinh tế cho người dân.

- Tập trung phát triển đồng bộ và bền vững, mạng lưới giao thông bảo đảm:
- Đường nối giữa các xã và từ trung tâm hành chính xã tới các thôn, làng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật .
- Đường nối giữa các thôn, làng được cứng hóa đạt chuẩn kỹ thuật.
- Đường ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa.

2.1.2 Nhiệm vụ:

- Năm 2022:

+ Bê tông hóa đường trục làng quy cách: nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 500 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 400 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 100 triệu đồng);

+ Bê tông hóa đường nội làng quy cách: nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=300, công thoát nước dự toán Kinh Phí 270 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 216 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 54 triệu đồng);

- Năm 2023:

+ Bê tông hóa đường nội làng quy cách: nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 500 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 400 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 100 triệu đồng);

+ Nhựa hóa đường nội đồng, quy cách: nền mặt đường; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 350 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 280 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 70 triệu đồng);

+ Xây mới rãnh thoát nước Quy cách: 400mm-600mm, L=2 km dự toán Kinh Phí 170 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 170 triệu đồng);

- Năm 2024:

+ Bê tông hóa đường nội làng quy cách: nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 450 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 360 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 90 triệu đồng);

+ Nhựa hóa đường nội đồng, quy cách: nền mặt đường; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 350 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 280triệu đồng, nhân dân đóng góp: 70 triệu đồng);

- Năm 2025:

+ Bê tông hóa đường nội làng quy cách: nền, mặt đường BTXM M250 dày 16cm, rộng 3m; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 450 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 360 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 90 triệu đồng);

+ Nhựa hóa đường nội đồng, quy cách: nền mặt đường; L=500, công thoát nước dự toán Kinh Phí 350 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 280triệu đồng, nhân dân đóng góp: 70 triệu đồng);

* **Tổng nguồn vốn đầu tư:** 3.160 triệu đồng.

Trong đó: - Ngân sách nhà nước: 2.562 triệu đồng.

- Nhân dân đóng góp: 598 triệu đồng.

Giao công chức Địa chính II phối hợp với Ban phát triển thôn, xây dựng kế hoạch và theo dõi tiến độ thực hiện báo cáo UBND xã đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí.

2.2. Tiêu chí 3: Thủy lợi

2.2.1 Mục tiêu:

- Đưa vào quản lý, sử dụng hệ thống các công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp. Trong điều kiện bình thường, hệ thống thủy lợi đảm bảo đủ nước tưới đến đồng ruộng. Đảm bảo tiêu nước trong sản xuất nông nghiệp không bị ngập úng. Tiếp tục cải tạo kênh mương kết hợp phục vụ giao thông nông thôn theo lịch hàng năm.

2.2.2 Nhiệm vụ:

Giao cho công chức Địa chính II phối hợp với Ban phát triển thôn tham mưu cho UBND xã, Ban quản lý việc xây dựng kế hoạch nâng cấp tu sửa hệ thống mương thủy lợi báo cáo UBND xã đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí.

2.3 Tiêu chí 4: Điện

2.3.1 Mục tiêu:

- Mạng lưới điện phân phối tại xã được cải tạo và phát triển nhìn trung đáp ứng các yêu cầu về an toàn, độ tin cậy, môi trường và thuận lợi - hiệu quả kinh tế cho người sử dụng, cụ thể:

- Hệ thống điện đảm bảo nội dung về lưới điện phân phối, trạm biến áp phân phối, đường dây hạ thế, chất lượng điện áp, khoảng cách an toàn và hành lang bảo vệ.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ mạng lưới điện quốc gia.

- Luôn vận động tuyên truyền và có chính sách hỗ trợ người dân sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện.

2.3.2. Nhiệm vụ

Giao công chức Tư pháp phối hợp với BPT thôn chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND, Ban quản lý kết hợp chặt chẽ với Phòng kinh tế hạ tầng theo dõi đôn đốc đề nghị ngành điện triển khai.

2.4. Tiêu chí 5: Trường học

2.4.1 Mục tiêu:

- Kiên cố hóa trường lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các điểm trường, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học, thực hiện đúng phương châm “*học đi đôi với hành*”, Cụ thể:

điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, làng có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào, cổng.

2.4.2 Nhiệm vụ:

- Năm 2022:

+ Cải tạo nâng cấp điểm trường mẫu giáo (Hệ thống nước sinh hoạt, xây mới nhà vệ sinh, tường rào, sân bê tông, trang thiết bị dạy và học) dự toán kinh phí 75 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

- Năm 2023:

+ Cải tạo nâng cấp điểm trường mẫu giáo (Hệ thống nước sinh hoạt, Cải tạo nhà vệ sinh, tường rào, sân bê tông, trang thiết bị dạy và học) dự toán kinh phí 75 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

- Tổng kinh phí dự toán: 150 triệu đồng từ ngân sách nhà nước.

Giao Hiệu trưởng trường học, BPT thôn chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND xã, Ban quản lý triển khai thực hiện và theo dõi tiến độ hoàn thành nhiệm vụ.

2.5. Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa

2.5.1 Mục tiêu:

Thôn, làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, làng phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, tường rào, cổng,...; có Ban Chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định.

2.5.2 Nhiệm vụ:

- Năm 2022:

+ Chi phí hoạt động văn hóa dự toán kinh phí 5 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

- Năm 2023:

+ Công trình phụ trợ nhà văn hóa: hàng rào, sân bê tông, cải tạo nhà vệ sinh, trang thiết bị) dự toán kinh phí 100 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

Tổng kinh phí dự toán: 105 triệu đồng từ ngân sách nhà nước.

Giao công chức Văn hoá I, BPT thôn chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND, Ban quản lý theo dõi tiến độ và triển khai thực hiện.

2.6. Tiêu chí 7,8: Cơ sở hạ tầng TM nông thôn , Thông Tin và truyền thông.

2.6.1 Mục tiêu:

- Nơi kinh doanh các mặt hàng chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân; Xây dựng và phát triển mạng lưới thu mua các mặt hàng đặc trưng của địa phương (*sản phẩm nông nghiệp và ngành nghề nông thôn*) đồng thời có các hoạt động văn hóa khác, có mục đích quảng bá các giá trị truyền thống.

- Tăng cường đưa công nghệ thông tin về đến làng thông qua đầu tư, nâng cấp máy truy cập internet tốc độ cao, bổ sung dung lượng. Xây dựng và nhân rộng mô hình truy cập thông tin trên mạng Internet cho các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hướng tới mỗi tổ chức mỗi nhà nông một website.

2.6.2 Nhiệm vụ:

- Tiếp tục tuyên truyền vận động những hộ kinh doanh buôn bán, thực hiện đầy đủ các thủ tục về môi trường và quy định của pháp luật.

- Nâng cấp các trạm BTS phủ sóng điện thoại và truy cập Internet, nâng cấp, sửa chữa các cụm loa phát thanh tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày.

Giao công chức địa chính xây dựng; công chức văn hóa và BPT thôn chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND xã, Ban quản lý theo dõi tiến độ và triển khai thực hiện.

2.7. Tiêu chí 9: Nhà ở nông thôn

2.7.1 Mục tiêu:

Trong làng hệ thống nhà ở trong thôn, làng phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10 m²/người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh,...được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện; kiến trúc, mẫu nhà phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc;

- Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân .

2.7.2 Nhiệm vụ:

- Tuyên truyền vận động nhân dân trong quá trình xây dựng nâng cấp, sửa chữa nhà ở cần đảm bảo đúng quy hoạch, kiến trúc mẫu nhà phù hợp với phong tục tập quán.

- Về chỉnh trang, nâng cấp, cải tạo nhà ở trong khu dân cư hiện có: Các hộ dân cư tự đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình đảm bảo nhu cầu sinh hoạt cho các thành viên trong gia đình và hệ thống các công trình hợp vệ sinh đảm bảo vệ sinh môi trường;

Phân công công chức địa chính xây dựng cùng Ban phát triển thôn theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí

3. Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập

3.1. Tiêu chí 10: Tiêu chí thu nhập

3.1.1 Mục tiêu:

- Khuyến khích phát triển nông nghiệp và các dịch vụ nông nghiệp (*Cây cà phê; hồ tiêu; cao su, sửa chữa cơ khí nhỏ, vui chơi giải trí trong nông thôn....*) theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tạo hiệu quả kinh tế cao, tạo cảnh quan bảo vệ môi trường.

- Quy hoạch ổn định vùng đất sản xuất nông nghiệp lâu dài để Nhà nước đầu tư, hỗ trợ cho quy hoạch hạ tầng cơ bản (*đường, điện, cấp nước và xử lý chất thải...*) phục vụ sản xuất, phòng chống dịch bệnh, đào tạo kiến thức khoa học, kỹ thuật cho các chủ hộ.

- Tăng cường công tác khuyến nông, thông tin thị trường, liên kết sản xuất đối với nông dân qua các hình thức bồi dưỡng ngắn hạn... Khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phân đầu đến năm 2022: Thu nhập đạt 44 triệu đồng/người/ năm.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Nông nghiệp - Dịch vụ - Công nghiệp theo tỉ trọng: 96% - 2% - 2% .

- Năm 2022:

+ Đầu tư xây dựng mô hình phát triển sản xuất nâng cao thu nhập. dự toán kinh phí 150 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 105 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 45 triệu đồng).

- Năm 2023:

+ Đầu tư xây dựng mô hình phát triển sản xuất nâng cao thu nhập. dự toán kinh phí 150 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 105 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 45 triệu đồng).

- Năm 2024:

+ Đầu tư xây dựng mô hình phát triển sản xuất nâng cao thu nhập. dự toán kinh phí 150 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 105 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 45 triệu đồng).

- Năm 2025:

+ Đầu tư xây dựng mô hình phát triển sản xuất nâng cao thu nhập. dự toán kinh phí 150 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 105 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 45 triệu đồng).

* **Tổng nguồn vốn đầu tư:** 600 triệu đồng.

Trong đó: - Ngân sách nhà nước: 420 triệu đồng.

- Nhân dân đóng góp: 180 triệu đồng.

Phân công công chức Tài chính kế toán và Văn phòng cùng Ban phát triển thôn theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí

3.2. Tiêu chí 12: Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên

3.2.1 Mục tiêu:

- Tiếp tục đầu tư tập trung vào các loại cây trồng chủ lực của xã như cây lúa nước, cây công nghiệp dài ngày...tập trung phát triển chăn nuôi. Khai thác tận dụng triệt để các nguồn đất đai, ổn định các loại cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai thổ nhưỡng. Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung ổn định và phát huy hiệu quả.

- Khuyến khích nông nghiệp và các dịch vụ nông nghiệp sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh.

- Phân đầu đến năm 2025 tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt tỷ lệ 100%.

3.2.2 Nhiệm vụ:

- Khuyến khích và tạo điều kiện thành lập trang trại, thành lập Hội sinh vật cảnh tại gia, các gia đình nông dân làm ngành nông nghiệp sinh thái.

Phân công công chức Văn hóa II chịu trách nhiệm cùng với ban phát triển theo dõi báo cáo Trưởng Ban quản lý - Chủ tịch UBND xã để chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

Tiêu chí 11: Hộ nghèo

4.1. Mục tiêu:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn < 6%.

- Xoá đói, giảm nghèo là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững gắn với bảo đảm công bằng và tiên bộ xã hội.

4.2. Nhiệm vụ:

- Tiếp tục thực hiện chương trình Quốc gia giảm nghèo như vay vốn phát triển sản xuất thông qua các đoàn thể: Nông dân, Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh... hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như: y tế, văn hoá, giáo dục, nhà ở, nước sạch, ... tạo tiền đề cho các hộ nghèo cải thiện đời sống vươn lên thoát nghèo.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững cấp khu thu tiền, cấp làng đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn.

- Tiếp tục triển khai, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia và giảm nghèo. Các chương trình an sinh xã hội.

- Năm 2022:

Cho hộ nghèo vay vốn đề PTSX theo quy định dự toán kinh phí 660 triệu đồng (Vốn tín dụng).

* **Tổng nguồn vốn đầu tư:** 660 triệu đồng.

Trong đó: - Ngân sách nhà nước: 660 triệu đồng.

Phân công cán bộ Lao động - TBXH trực tiếp theo dõi và kết hợp với ban phát triển làng tổng hợp báo cáo Trưởng BQL - Chủ tịch UBND xã để chỉ đạo và đánh giá kết quả thực hiện.

5. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

5.1. Mục tiêu:

- Khuyến khích việc thành lập các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã dịch vụ chuyên khâu như làm đất, dịch vụ vận tải, sản xuất vật liệu xây dựng. nâng cao đóng góp của kinh tế tập thể vào tăng trưởng kinh tế địa phương, xoá đói giảm nghèo một cách bền vững, tạo thêm việc làm mới và bảo vệ môi trường.

- Nâng cao vị trí, vai trò của kinh tế tập thể trong đời sống cộng đồng nông thôn qua việc góp phần vào đầu tư hạ tầng nông thôn.

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ trên địa bàn xã, đa dạng hoá các hoạt động thương mại theo các hình thức hợp tác, liên kết.

5.2. Nhiệm vụ:

- Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế thông qua: Hỗ trợ điều kiện sản xuất, bao tiêu sản phẩm; Hỗ trợ kỹ thuật tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và ứng dụng tiên bộ

khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại; Tham quan học tập mô hình liên kết sản xuất đáp ứng tốt dịch vụ cho người dân.

Phân công công chức Địa chính II phối hợp với ban phát triển chịu trách nhiệm theo dõi đôn đốc, hướng dẫn tổ hợp tác ... thực hiện đồng thời đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí.

6. Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn:

6.1. Mục tiêu:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động con em đi học trong độ tuổi đến trường, tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên, đầu tư trang thiết bị để nâng cao trình độ dạy và học nhằm đạt được phổ cập giáo dục và tỷ lệ con em đậu tốt nghiệp trung học cơ sở.

6.2. Nhiệm vụ:

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới phối hợp với các ban ngành đoàn thể nắm bắt các trường hợp các em bỏ học và kịp thời hỗ trợ động viên các em đến trường, đảm bảo thấp nhất 98% số em trong độ tuổi đến trường học tập

- Ban quản lý liên kết với trường dạy nghề của huyện và với các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động. đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân sản xuất giỏi.

- Đào tạo, tập huấn kiến thức về kỹ thuật, tổ chức sản xuất, thị trường cho nông dân, chủ trang trại, tổ hợp tác, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo theo mục tiêu đề ra.

- Năm 2022: Mở 1 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Dự toán kinh phí 30 triệu đồng.

- Năm 2023: Mở 1 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Dự toán kinh phí 30 triệu đồng.

- Năm 2024: Mở 1 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Dự toán kinh phí 30 triệu đồng.

- Năm 2025: Mở 1 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Dự toán kinh phí 30 triệu đồng.

- Tổng dự toán kinh phí: 120 triệu đồng; Từ ngân sách nhà nước.

Phân công công chức Văn hóa II phối hợp với Hiệu trưởng các trường học và ban phát triển theo dõi kế hoạch và đánh giá thực hiện Tiêu chí.

7. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn.

7.1 Mục tiêu:

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế: trên 100% với:
- Các đối tượng được quy định như người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội, cựu chiến binh ... do ngân sách nhà nước, quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ người nghèo chi trả tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) xuống dưới 22%.

7.2 Nhiệm Vụ:

- Năm 2022:

Cấp thẻ BHYT cho các ĐB DTTS dự toán kinh phí 1.096,64 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 468,656 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 657,984 triệu đồng).

Thẻ BHYT cho các hộ khác dự toán kinh phí 713.71 triệu đồng (nhân dân đóng góp: 713.71 triệu đồng)

- Năm 2023:

Cấp thẻ BHYT cho các ĐB DTTS dự toán kinh phí 1.096,64 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 468,656 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 657,984 triệu đồng).

Thẻ BHYT cho các hộ khác dự toán kinh phí 713.71 triệu đồng (nhân dân đóng góp: 713.71 triệu đồng)

- Năm 2024:

Cấp thẻ BHYT cho các ĐB DTTS dự toán kinh phí 1.096,64 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 468,656 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 657,984 triệu đồng).

Thẻ BHYT cho các hộ khác dự toán kinh phí 713.71 triệu đồng (nhân dân đóng góp: 713.71 triệu đồng)

- Năm 2025:

Cấp thẻ BHYT cho các ĐB DTTS dự toán kinh phí 1.096,64 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 468,656 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 657,984 triệu đồng).

Thẻ BHYT cho các hộ khác dự toán kinh phí 713.71 triệu đồng (nhân dân đóng góp: 713.71 triệu đồng)

- Tổng dự toán kinh phí: 7.241,4 triệu đồng; Từ ngân sách nhà nước.

Trong đó: - Ngân sách nhà nước: 1.754,624 triệu đồng.

- Nhân dân đóng góp: 5.486,776 triệu đồng.

Phân công trạm y tế, công chức Văn hóa II và ban phát triển thôn theo dõi kế hoạch và đánh giá thực hiện Tiêu chí.

8. Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn:

8.1 Mục tiêu:

- Luôn tuyên truyền nâng cao phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất, từng bước nâng cao đời sống kinh tế và văn hóa xã hội cho người dân. Nâng cao chất lượng các phong trào: Gia đình văn hoá, đền ơn đáp nghĩa, Đồng thời đẩy mạnh truyền thông uống nước nhớ nguồn.

- Xây dựng các nội dung, giải pháp bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống, những tinh hoa văn hoá trong khu dân cư nông thôn.

- Xây dựng và phát triển phong trào thể dục thể thao, phong trào văn nghệ quần chúng trong các thôn, làng.

- Làng Grai Mek đạt văn hoá 3 năm liên tục.

8.2. Nhiệm vụ:

- Tuyên truyền vận động công tác xã hội hoá nguồn kinh phí cho các hoạt động văn nghệ tại các Nhà văn hoá thôn, thường xuyên tổ chức hội thi văn nghệ giữa các Làng văn hoá nhân dịp các ngày lễ, đầu xuân ...

- Tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành tốt Hương ước Làng thực hiện nếp sống văn hoá trong việc cưới, việc tang.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật trên hệ thống loa truyền thanh, lồng ghép tại các hội nghị tập huấn chuyên đề cho đảng bộ và các đoàn thể.

- Giao Công chức Văn hoá cùng các Trưởng làng rà soát lại Hương ước và bổ sung các quy ước về gia đình văn hóa, nếp sống văn hoá khu dân cư.

- Xây dựng các giải pháp quản lý, ngăn chặn các tệ nạn xã hội có nguy cơ lây lan từ nơi khác vào địa bàn.

Phân công công chức Văn hoá I và ban phát triển theo dõi kế hoạch và đánh giá thực hiện **Tiêu chí**.

9. Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

9.1. Mục Tiêu:

- Xây dựng nội dung bảo vệ phát triển môi trường có căn cứ để người dân giám sát chính quyền.

- Xây dựng, cải tạo hệ thống tiêu thoát nước , và xử lý rác thải tại các hộ gia đình.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Các cơ sở kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường, không có các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, chất thải thu gom theo quy định, cấm mốc nghĩa trang và quản lý nghĩa trang theo quy hoạch.

9.2. Nhiệm vụ:

Tăng cường các hoạt động tuyên truyền phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn)

- Tuyên truyền vận động các hộ gia đình chăn nuôi quy mô lớn xây dựng hệ thống xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường; sử dụng hầm biogas và các chất xử lý công nghiệp trong chăn nuôi.

- Không cấp phép xây dựng đối với cơ sở chăn nuôi, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường trong làng.

- Hoàn thiện và ban hành Quy chế vệ sinh môi trường;

- Tuyên truyền, vận động toàn dân thực hiện nghiêm Quy chế quản lý nghĩa trang.

- Các cơ sở sản xuất phải có phương án bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND xã tăng cường công tác quản lý, giám sát các cơ sở sản xuất không để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường về rác thải, nước thải...

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm sản xuất.

- Năm 2022:

+ Đầu tư làm mới công trình cấp nước tập trung, dự toán kinh phí 150 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 143 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 7 triệu đồng)

+ Đầu tư 05 bể xử lý rác thải sinh hoạt, dự toán kinh phí 35 triệu đồng (Ngân sách nhà nước: 35 triệu đồng)

- Năm 2023:

+ Cấp 4 bể thu gom rác thải dự toán kinh phí 20 triệu đồng (Ngân sách nhà nước).

- **Tổng dự toán kinh phí: 215 triệu đồng; Từ ngân sách nhà nước.**

Trong đó: - Ngân sách nhà nước: 203 triệu đồng.

- Nhân dân đóng góp: 12 triệu đồng.

Tổ chức thực hiện: Phân công Công chức Địa chính I, địa chính II, Tư Pháp, Văn hóa, VPTK, phối hợp với Ban ngành, đoàn thể xã cùng Ban phát triển thôn theo dõi kế hoạch và đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí.

10. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn:

10.1. Mục tiêu:

Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức đoàn thể thông qua việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để tăng tính hiệu quả trong công tác chỉ đạo điều hành.

Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra các nội dung nông thôn mới ở các thôn, làng.

Đào tạo cán bộ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc nhằm đảm bảo hoạt động tốt cải cách hành chính phục vụ nhân dân.

10.2. Nhiệm vụ:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thôn

- Xây dựng chương trình, kế hoạch và ký giao ước thi đua giữa các đoàn thể chính trị nhằm phát huy vai trò của mỗi đoàn thể trong việc vận động hội viên, đoàn viên tham gia xây dựng nông thôn mới. Trong đó từng đoàn thể tổ chức các phong trào thi đua kịp thời biểu dương các cá nhân, tập thể tiêu biểu ...

- Duy trì nâng cao chất lượng sinh hoạt của chi bộ, đảm bảo thực hiện đúng Điều lệ Đảng, đồng thời thực hiện tốt việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên, công tác quản lý đảng viên. Hàng năm phân loại đánh giá chất lượng đảng viên theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác vận động quần chúng, Chi bộ chỉ đạo ban công tác mặt trận, chi hội Phụ nữ, chi hội Nông dân, chi hội cựu chiến binh, chi đoàn Thanh niên thực hiện tốt chương trình công tác nhiệm vụ chính trị .

Phấn đấu hàng năm các tổ chức đều đạt danh hiệu mức cao nhất.

Tổ chức thực hiện : Phân công công chức văn phòng, Tư pháp, Văn hóa chịu trách nhiệm quản lý phối hợp với văn phòng Đảng uỷ, Ban ngành và ban phát triển thôn chỉ đạo và đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí.

11. Quốc phòng và an ninh;

11.1 Mục tiêu:

Đảm bảo quốc phòng - Giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tuyên truyền vận động toàn dân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, hoàn thành tốt nghĩa vụ quân sự và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

- Thực hiện tốt các Quy ước của địa phương, Hương ước các Làng văn hoá không để xảy ra trọng án, không sử dụng chất nổ, vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ, xung điện trái phép. hạn chế và đi đến không còn tệ nạn cờ bạc, mại dâm, ma tuý trên địa bàn.

11.2 Nhiệm vụ:

- Nâng cao nhận thức trong cán bộ đảng viên và nhân dân về công tác quốc phòng địa phương tạo chuyển biến mạnh mẽ, thống nhất về nhận thức và hành động, tạo thế chủ động trong phòng ngừa, ngăn chặn âm mưu diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

- Tham gia đầy đủ các chương trình huấn luyện, hội thao hàng năm đạt chất lượng khá trở lên.

- Thôn đội và công an viên phối hợp thường xuyên tuần tra canh gác, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn đặc biệt vào các ngày lễ tết.

- Bố trí kinh phí để trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng công an viên và thôn đội đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trấn áp tội phạm và giữ vững trật tự trong mọi tình huống.

Phân công Trưởng Công an, Chỉ huy trưởng quân sự chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Phối hợp với BPT thôn đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác tuyên truyền vận động:

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới để vận động người dân tham gia chương trình. Các nội dung thực hiện:

Hưởng ứng triển khai công tác xây dựng nông thôn mới tại làng mình. Mỗi người là một hạt nhân cho sự thành công của công việc xây dựng nông thôn mới.

Tổ chức tuyên truyền vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm trên địa bàn về chủ trương xây dựng làng nông thôn mới để chung tay góp sức về nhân lực, vật lực.

2. Công tác quy hoạch:

Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở làng phải được quy hoạch, có quỹ đất và được cắm mốc .

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng:

Ưu tiên phát triển hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ thâm canh tăng năng suất cây trồng, vùng sản xuất cây công nghiệp phục vụ chế biến xuất khẩu; xây dựng, chuyển đổi diện tích lúa thiếu nước sang trồng cây rau màu; phát triển trang trại chăn nuôi ở làng theo hướng công nghiệp, an toàn sinh học. Đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn.

4. Phát triển y tế, văn hóa, xã hội, môi trường:

Hoàn thiện các thiết chế văn hóa ở nông thôn, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất

phát triển văn hóa, thể thao quần chúng, nâng cao chất lượng phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*", trọng tâm là xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện phong trào chỉnh trang vườn tược, nhà cửa gọn gàng, môi trường xanh - sạch - đẹp, nâng cao chất lượng cuộc sống trong mỗi gia đình.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Tổ chức tốt công tác thu gom, xử lý rác thải khu dân cư, đảm bảo vệ sinh môi trường trong làng;

5. Công tác an sinh xã hội:

Tập trung hỗ trợ đầu tư, tạo điều kiện để ổn định và phát triển kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm mới, hạn chế thất nghiệp, ổn định thu nhập cho người dân.

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và huy động nguồn lực cho an sinh xã hội: Tuyên truyền, giáo dục cho người nghèo, cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn ý thức tự lực vươn lên, không trông chờ ỷ lại vào sự trợ giúp. Khuyến khích các doanh nghiệp chia sẻ khó khăn cùng Nhà nước, quan tâm chăm lo cải thiện điều kiện vật chất, tinh thần cho người lao động và tham gia các hoạt động xã hội từ thiện.

6. Tổ chức sản xuất:

Tập trung phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, nhất là các hoạt động dịch vụ tại khu du lịch. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh thực hiện các chương trình giống vật nuôi, cây trồng, khuyến nông, phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản theo mô hình trang trại với một số con nuôi có giá trị kinh tế cao, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động.

7. Hệ thống chính trị vững mạnh:

Để xây dựng HTCT vững mạnh, việc ổn định công tác cán bộ từ cơ sở là tiền đề quan trọng. Từ nhận thức đó, Đảng ủy xã tập trung củng cố ban nhân dân thôn thực sự có năng lực, phẩm chất đạo đức, kiên quyết thay thế những ban nhân dân thôn không đáp ứng tiêu chí, không hoàn thành nhiệm vụ.

8. Về giữ vững an ninh trật tự an toàn xã hội

Ban hành nội quy, quy ước thôn, làng, xóm, khu dân cư về trật tự, an ninh, phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

IV. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Hiệu quả đạt được của Đề án theo từng giai đoạn với các nội dung sau:

Kinh tế nông thôn phát triển theo hướng hàng hóa, có các hình thức sản xuất hiệu quả; nâng cao sức cạnh tranh, tăng thu nhập cho người dân (Sản phẩm đặc trưng của xã là Cà phê và Hồ tiêu). Cụ thể:

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng hướng: Nông nghiệp - dịch vụ - công nghiệp theo tỉ lệ: 96% - 2% - 2%.

- Thu nhập bình quân đầu người ngày càng được tăng cao mỗi năm bình quân tăng từ 5-6 triệu đồng.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0.5-1 %/năm.

- Hiệu quả hoạt động của các thành phần kinh tế: Nhờ chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất hàng năm đều cho thu nhập cao.

- Hạ tầng kinh tế xã hội: Được xây dựng cơ bản hoàn chỉnh đáp ứng được nhu cầu của sự phát triển nền kinh tế nông nghiệp.

- Xây dựng lối sống lành mạnh trong nông thôn; dân chủ được phát huy; thuần phong, mỹ tục được bảo vệ, phát triển; người dân có niềm tin vào tương lai và nhiệt tình cách mạng sẽ tăng lên và đó là nguồn lực chính thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã.

Nhân dân có đời sống văn hóa phong phú, hiện đại, thân thiện với môi trường với giao thông thuận tiện, trường học khang trang sạch đẹp, sức khỏe người dân ngày một nâng cao, môi trường sống ngày một cải thiện, an ninh chính trị được giữ vững...

- Tỷ lệ hộ được dùng nước hợp vệ sinh, có nhà vệ sinh theo chuẩn đạt 100%. Các hoạt động bảo vệ môi trường ở khu dân cư, cơ sở sản xuất đạt hiệu quả.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO

1. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1.1. Kiện toàn Ban Chỉ Đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã

Trưởng Ban chỉ đạo là đồng chí Bí thư xã, phó Ban Chỉ Đạo là Phó bí thư thường trực, các thành viên còn lại là đại diện các ngành và đoàn thể.

Nhiệm vụ chính của Ban:

Chỉ đạo xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới cho phù hợp với tiêu chí của trung ương và điều kiện thực tế của huyện, xã;

Tổ chức tuyên truyền tạo chuyển biến về nhận thức trong nội bộ và các tầng lớp nhân dân để huy động tối đa các nguồn lực xã hội;

Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình nông thôn mới gắn với chương trình hành động - Định kỳ họp (quý/lần), sơ tổng kết, rút kinh nghiệm báo cáo ban chỉ đạo huyện

1.2. Kiện toàn Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã

Ban phát triển làng chịu trách nhiệm triển khai toàn bộ nội dung Đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã.

Ban quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban;

Có quy chế hoạt động và tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên;

Căn cứ theo Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban chỉ đạo huyện, tỉnh và thực tế tại địa phương để xây dựng cho phù hợp. Nhưng phải đảm bảo mỗi một nhiệm vụ phải có cán bộ trực tiếp theo dõi, chỉ đạo.

Quy định bộ phận thường trực của Ban chỉ đạo: bao gồm Trưởng ban, các phó trưởng ban để bảo đảm duy trì các hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ đạo.

1.3. Kiện toàn Ban phát triển làng Grai Mek.

Ban phát triển làng chịu trách nhiệm triển khai toàn bộ nội dung Đề án xây dựng làng đạt chuẩn NTM.

Ban phát triển do thôn trưởng làm Trưởng ban;

Có quy chế hoạt động và tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên

Căn cứ theo Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban chỉ đạo xã, huyện và thực tế tại địa phương để xây dựng cho phù hợp. Nhưng phải bảo đảm mỗi một nhiệm vụ phải có cán bộ làng trực tiếp theo dõi, chỉ đạo.

1.4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Đề án xây dựng làng nông thôn mới.

Lập Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Đề án đến cán bộ đảng viên, người dân trong làng: kế hoạch phải thể hiện được nội dung, thời gian, đối tượng và phân công trách nhiệm thực hiện.

Hoạt động này cần được tiến hành thường xuyên, gắn liền với chế độ hội họp, sinh hoạt định kỳ ở cấp thôn, các tổ chức chính trị, đoàn thể.

1.5 Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, Ban Phát triển tiến hành xây dựng kế hoạch, các chỉ tiêu phân đấu hàng năm trình UBND xã phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

1.6. Tiếp nhận và huy động các nguồn lực xây dựng nông thôn mới.

Phân công bộ phận theo dõi việc tiếp nhận và triển khai các biện pháp nhằm huy động các nguồn lực đóng góp từ bên ngoài để hỗ trợ cho Chương trình;

Ban hành quy chế quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực hỗ trợ.

1.7. Tổ chức giám sát và sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện các Tiêu chí theo định kỳ hàng năm

Thành lập các bộ phận để giám sát các hoạt động đầu tư và kế hoạch công tác hàng năm có liên quan đến chương trình xây dựng nông thôn mới;

Ban Phát triển tổ chức cho các thôn, làng đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch hàng năm theo từng tiêu chí và tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chung trong toàn xã.

1.8. Bổ sung, điều chỉnh Đề án xây dựng nông thôn mới

Thông qua công tác sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và kiến nghị của cộng đồng dân cư, các tổ chức, Ban phát triển nghiên cứu, điều chỉnh sửa đổi, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

1.9. Phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới

Xây dựng kế hoạch tổ chức ký kết phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.

2. Phân công nhiệm vụ cụ thể

2.1 Đồng chí Thôn trưởng (Trưởng Ban phát triển)

Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, điều hành việc thực hiện các nội dung của Chương trình làng nông thôn mới.

2.2 Đồng chí Thôn phó (Phó ban phát triển)

Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, điều hành việc thực hiện các nội dung của Chương trình làng đạt chuẩn nông thôn mới khi trưởng thôn không có mặt.

- Báo cáo kết quả tiêu chí 1,18.

2.3 Chi hội trưởng HND thôn (Thành viên)

- Tổng hợp tình hình triển khai công trình Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng làng đạt chuẩn nông thôn mới và thông tin, báo cáo kịp thời cho Trưởng ban, Phó trưởng ban thường trực về tiến độ và sự việc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình làng đạt chuẩn MTQG xây dựng nông thôn mới; lập kế hoạch hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, kinh phí thực hiện chương trình; các văn bản chỉ đạo, đơn đốc triển khai thực hiện, tổng kết Chương trình theo định kỳ và các nội dung khác có liên quan theo yêu cầu của cấp trên.

- Triển khai nội dung:

+ Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.

+ Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

+ Chương trình mục tiêu Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

+ Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn.

- Báo cáo kết quả tiêu chí 2,3, 13,17;

2.4 Chi hội trưởng BCTMT thôn (Thành viên)

- triển khai nội dung:

+ Triển khai trong công tác giảm nghèo, lao động, đào tạo nghề cho lao động nông thôn (lĩnh vực phi nông nghiệp) và an sinh xã hội.

+ Tham mưu báo cáo các nội dung liên quan đến tiêu chí số 7,9,11

2.5 Chi hội trưởng HPN thôn (Thành viên)

- Triển khai nội dung:

+ Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn.

+ Hoàn thiện hệ thống nhà văn hóa và khu thể thao xã, thôn, làng đạt chuẩn.

+ Xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông, internet về đến thôn, làng

- Theo dõi báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 8, 16,17.

2.6 Chi hội trưởng HCCB thôn (Thành viên).

Theo dõi báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 4,5,10

2.7 Bí thư ĐTN thôn (Thành viên).

- Theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 12,14,15,17.

2.8 Công an viên, thôn đội trưởng (Thành viên)

- Theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 19.

Trên đây là nội dung đề án xây dựng làng Grai Mek đạt chuẩn làng nông thôn mới, xã Chư Pong, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022 - 2025, Ban phát triển làng đề nghị Thường trực BCD nông thôn mới xem xét thẩm định, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- BCD Chương trình MTQG XD NTM huyện;
- ĐỦ, UBND xã;
- BCD XDNTM xã;
- TT UBND xã;
- Lưu VP UBND. BND làng.

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH UBND XÃ
Phạm Ngọc Hưng